TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2022.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Chí Công.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 412/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Lưu Văn T, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2022 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Bé L trình bày: Vào năm 2008 chị và anh Lưu Văn T kết hôn, đến ngày 14 tháng 8 năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống từ năm 2012 thì giữa chị và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hòa

hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cự cãi, từ đó chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung, có một người tên là Lưu Chí A (giới tính nam), sinh ngày 28 tháng 5 năm 2009. Con chung hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lưu Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé L.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị L ly hôn với anh T. Giao một người con chung tên là Lưu Chí A (giới tính nam), sinh ngày 28 tháng 5 năm 2009 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, buộc chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc chị Nguyễn Thị Bé L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lưu Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Lưu Văn T cư trú tại ấp G, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lưu Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, chị L và anh T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị L yêu cầu ly hôn với anh T vì chị L cho rằng quá trình chung sống giữa chị L và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cự cãi, từ đó cuộc sống hôn nhân giữa chị L với anh T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ nên anh, chị đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị L, cũng như không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình

trạng hôn nhân giữa chị L với anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho chị L ly hôn với anh T là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng một người con chung tên là Lưu Chí A (giới tính nam), sinh ngày 28 tháng 5 năm 2009. Anh T không có ý kiến phản đối về yêu cầu được nuôi con của chị L. Xét thấy, con chung hiện do chị L là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, do đó nhằm để ổn định về điều kiện môi trường sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên. Từ đó, giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Chị L xác định tài sản chung và nợ chung không có. Anh T không có ý kiến về những vấn đề trên nên không đặt ra xem xét.

[5] Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị L phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bé L ly hôn với anh Lưu Văn T.

2. Về con chung, giao chị Nguyễn Thị Bé L trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Lưu Chí A (giới tính nam), sinh ngày 28 tháng 5 năm 2009. Anh Lưu Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lưu Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Bé L phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018037, ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên chị Nguyễn Thị Bé L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Huệ